TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 533/2025/DS-ST
Ngày: 18/9/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mành Kim Ngọc

Bà Phan Thị Diễm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu- Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 264/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: Số 266 -268 Đường N, phường X, Thành phố H.

Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn: ông Trần Gia T, sinh năm: 1971

Theo Giấy ủy quyền số: 6519/2024/UQ-TGĐ ngày 29/9/2024

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đặng Phú C, sinh năm: 1974

Số Chứng minh nhân dân: Y ngày cấp 06/01/2005 tại công an thành phố H.

Địa chỉ: Số 39 Đường H1, phường C, Thành phố H.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 11/12/2024, bản tự khai các ngày 26/2/2025, 23/6/2025, 08/5/2025, 04/8/2025, biên bản không tiến hành hòa giải ngày 08/5/2025 và ngày 04/8/2025, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn ông Trần Gia T trình bày:

Ngày 27/05/2008, ông Đặng Phú C có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp

đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa số thẻ 472074 - 9532, lãi suất 2.15%/ tháng, hạn mức sử dụng là 10.000.000đ (mười triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 50.667.395đ (năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi lăm đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 77.212.000đ (bảy mươi bảy triệu hai trăm mười hai ngàn đồng). Theo thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 01/06/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông C và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/9/2025, ông C còn nợ tổng số tiền là 29.353.024đ (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi ba ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), cụ thể: nợ vốn gốc là 7.590.304đ (bảy triệu năm trăm chín mươi ngàn ba trăm lẻ bốn đồng), tiền lãi quá hạn là 21.762.720đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi đồng). Mặc dù Ngân hàng đã nhiều yêu cầu ông C có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ đã vay. Tuy nhiên ông C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông Đặng Phú C thanh toán cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vốn gốc là: 7.590.304đ (bảy triệu năm trăm chín mươi ngàn ba trăm lẻ bốn đồng), tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 18/9/2025 là: 21.762.720đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi đồng). Tổng cộng là 29.353.024đ (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi ba ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến ngày ông C trả dứt nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại văn bản ngày 04/8/2025 đại diện nguyên đơn cũng khẳng định chỉ yêu cầu cá nhân ông Đặng Phú C trả nợ, không yêu cầu bất cứ người liên quan nào phải có trách nhiệm trả nợ liên đới với ông C.

Bị đơn ông Đặng Phú C đã được Tòa án triệu tập và tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Do bị đơn ông Đặng Phú C vắng mặt nên Tòa án không thể thu được lời khai, tài liệu, chứng cứ và cũng không thể tiến hành hòa giải, đối chất được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, bà Trần Thị Nga phát biểu: Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do phù hợp với quy định của bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 1997. Án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", do bị đơn có nơi cư trú tại phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập ông Đặng Phú C nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông C đều vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông C đều vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ngày 12/8/2025 ông Trần Gia T có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Đặng Phú C, do ông Trần Gia T làm đại diện theo ủy quyền. Do ông Trần Gia T bận việc nên không thể đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với đại diện nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả nhưng người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập và lời khai của đại diện nguyên đơn tại biên bản tự khai ngày 26/02/2025, 23/6/2025, 08/5/2025, 04/8/2025, 18/9/2025 biên bản không tiến hành hòa giải ngày 08/5/2025, 04/8/2025. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/05/2008, (thẻ tín dụng Visa số thẻ 472074 - 9532) mà Ngân hàng thương mại cổ phần S đã ký với ông Đặng Phú C (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dưới sự đồng ý của ngân hàng thương mại cổ phần S và các bảng Tóm tắt sao kê ngày 26/02/2025, 23/6/2025, 08/5/2025, 04/8/2025, 18/9/2025, Thông báo khởi kiện ngày 16/9/2022, vận đơn, có căn cứ xác định giữa ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Đặng Phú C có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa số thẻ 472074 - 9532, lãi suất 2.15%/ tháng, hạn mức sử dụng là 10.000.000đ (mười triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 50.667.395đ (năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi lăm đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 77.212.000đ (bảy mươi bảy triệu hai trăm mười hai ngàn đồng). Theo thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 01/06/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông C và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/9/2025, ông C còn nợ tổng số tiền là 29.353.024đ (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi ba ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), cụ thể: nợ vốn gốc là 7.590.304đ (bảy triệu năm trăm chín mươi ngàn ba trăm lẻ bốn đồng), tiền lãi quá hạn là 21.762.720đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi đồng). Do vậy có đủ cơ sở để xác định việc giao dịch giữa ngân hàng với ông C là có thật và các khoản nợ trên là có thật, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết.

Xét về trách nhiệm trả nợ:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/05/2008, (thẻ tín dụng Visa số thẻ 472074 - 9532) mà Ngân hàng thương mại cổ phần S đã ký với ông Đặng Phú C và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dưới sự đồng ý của ngân hàng thương mại cổ phần S và Thông báo khởi kiện ngày 16/9/2022, các bảng Tóm tắt sao kê ngày 26/02/2025, 23/6/2025, 08/5/2025, 04/8/2025, 18/9/2025, vận đơn, có căn cứ xác định ông Đặng Phú C phải trả nợ với số nợ cụ thể: Nợ vốn gốc là 7.590.304đ (bảy triệu năm trăm chín mươi ngàn ba trăm lẻ bốn đồng), tiền lãi quá hạn là 21.762.720đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi đồng). Tổng cộng là 29.353.024đ (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi ba ngàn không trăm hai mươi bốn đồng).

Tại văn bản ngày 04/8/2025 đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Trần Gia T cũng khẳng định chỉ yêu cầu cá nhân ông C trả nợ, không yêu cầu bất cứ người liên quan nào phải có trách nhiệm trả nợ liên đới với ông C. Xét việc thay đổi yêu cầu này có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc và tiền lãi do phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997. Buộc ông Đặng Phú C có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vốn gốc là: 7.590.304đ (bảy triệu năm trăm chín mươi ngàn ba trăm lẻ bốn đồng), tiền lãi quá hạn là 21.762.720đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi đồng). Tổng cộng là 29.353.024đ (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi ba ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến ngày ông C trả dứt nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Phú C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án có giá ngạch theo qui định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 4, 122, 401, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các điều 26, 35, 36, 39, 147, 171, 172, 173, 174, 177, 179, 227, 228, 238, 266, 269, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15);

- Các điều 56 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997;

- Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc ông Đặng Phú C có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vốn gốc là: 7.590.304đ (bảy triệu năm trăm chín mươi ngàn ba trăm lẻ bốn đồng); tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 18/9/2025 là: 21.762.720đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi đồng). Tổng cộng là 29.353.024đ (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi ba ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến ngày ông C trả dứt nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đặng Phú C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.467.651đ (một triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm năm mươi mốt đồng). Nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 664.874đ (sáu trăm sáu mươi bốn ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031213 ngày 20/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự được 8.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ chí Minh xét xử phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10;
- THA DS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thúy Minh